

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022



Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 42



Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5200240495 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu vào ngày 31 tháng 3 năm 2006. Công ty cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 7 được cấp ngày 20 tháng 2 năm 2019.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và công ty con là sản xuất và kinh doanh điện năng và cung cấp dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, cải tạo các thiết bị của nhà máy thủy điện.

Công ty (bao gồm Văn phòng Công ty và chi nhánh hạch toán độc lập là Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật) có trụ sở tại Tổ dân phố 1, thị trấn Thác Bà, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Quang Quyền	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Văn Quyền	Thành viên	
Ông Hồ Văn Trung	Thành viên	
Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Da	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 3 năm 2022

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Huỳnh Phương	Trưởng ban
Bà Trần Nguyễn Khánh Linh	Thành viên
Bà Lai Lệ Hương	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Quyền	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Bùi Hoàng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 7 năm 2022

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Quyền, Tổng Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con (sau đây gọi chung là “Công ty và công ty con”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty và công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty và công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:




Nguyễn Văn Quyền
Tổng Giám đốc

Yên Bái, Việt Nam

Ngày 8 tháng 3 năm 2023

Số tham chiếu: 61201381/22963793-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà ("Công ty") và công ty con (sau đây gọi chung là "Công ty và công ty con") được lập ngày 8 tháng 3 năm 2023 và được trình bày từ trang 5 đến trang 42, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty và công ty con liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty và công ty con. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Thái Thanh
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 0402-2023-004-1

Đào Văn Thích
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 3732-2021-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 8 tháng 3 năm 2023



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		370.359.062.235	310.282.150.991
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	109.112.407.311	94.607.135.889
111	1. Tiền		79.112.407.311	24.265.135.889
112	2. Các khoản tương đương tiền		30.000.000.000	70.342.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		95.500.000.000	102.122.413.699
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6.1	95.500.000.000	102.122.413.699
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		157.022.463.066	86.910.666.338
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7	136.826.747.355	82.442.235.191
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		352.500.000	405.807.882
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	30	17.000.000.000	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	4.476.557.709	7.429.020.963
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(1.633.341.998)	(3.366.397.698)
140	IV. Hàng tồn kho	9	4.071.441.749	4.208.928.762
141	1. Hàng tồn kho		4.071.441.749	4.208.928.762
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		4.652.750.109	22.433.006.303
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ	10	4.652.750.109	22.393.647.748
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	-	39.358.555
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.224.144.606.926	1.263.463.031.387
220	I. Tài sản cố định		936.602.839.964	1.011.284.126.648
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	919.952.702.833	993.963.806.221
222	Nguyên giá		2.575.632.618.257	2.570.563.169.449
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.655.679.915.424)	(1.576.599.363.228)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	16.650.137.131	17.320.320.427
228	Nguyên giá		22.445.322.400	22.291.322.400
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(5.795.185.269)	(4.971.001.973)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		5.982.088.847	3.298.419.989
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	5.982.088.847	3.298.419.989
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn		165.411.939.388	116.781.700.397
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	6.2	84.242.939.388	35.612.700.397
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	6.3	81.169.000.000	81.169.000.000
260	IV. Tài sản dài hạn khác		116.147.738.727	132.098.784.353
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	4.173.232.820	3.737.765.386
269	2. Lợi thế thương mại	15	111.974.505.907	128.361.018.967
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.594.503.669.161	1.573.745.182.378

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

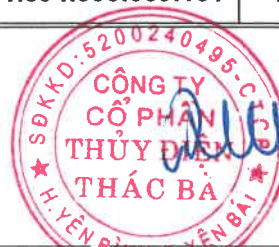
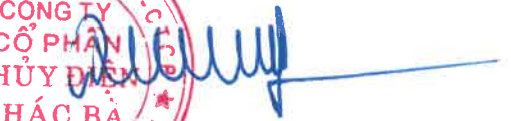
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		220.194.724.418	358.291.632.975
310	I. Nợ ngắn hạn		115.194.724.418	146.463.018.578
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		5.777.719.983	2.184.824.080
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		432.475.059	854.726.999
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	27.300.206.576	12.276.364.175
314	4. Phải trả người lao động		11.723.853.359	11.748.181.731
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	1.953.844.950	4.349.738.081
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	7.571.049.047	69.853.532.135
320	7. Vay ngắn hạn	19	60.000.000.000	44.000.000.000
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20	435.575.444	1.195.651.377
330	II. Nợ dài hạn		105.000.000.000	211.828.614.397
338	1. Vay dài hạn	19	105.000.000.000	211.828.614.397
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	21	1.374.308.944.743	1.215.453.549.403
410	I. Vốn chủ sở hữu		1.374.308.944.743	1.215.453.549.403
411	1. Vốn cổ phần		635.000.000.000	635.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		635.000.000.000	635.000.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		462.586.672.545	333.679.600.429
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		233.929.600.429	228.576.594.454
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		228.657.072.116	105.103.005.975
429	3. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		276.722.272.198	246.773.948.974
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.594.503.669.161	1.573.745.182.378



Nguyễn Trung Hiếu
Người lập



Lê Hồng Minh
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Quyền
Tổng Giám đốc

Yên Bái, Việt Nam

Ngày 8 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán điện và cung cấp dịch vụ	23.1	726.080.260.114	495.240.055.158
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán điện và cung cấp dịch vụ	23.1	726.080.260.114	495.240.055.158
11	4. Giá vốn về bán điện và dịch vụ cung cấp	24	(204.796.443.912)	(186.772.852.059)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán điện và cung cấp dịch vụ		521.283.816.202	308.467.203.099
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	15.123.843.040	16.325.519.909
22	7. Chi phí tài chính	25	(15.661.775.297)	(23.935.375.001)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(15.661.775.297)	(23.935.375.001)
24	8. Phần lỗ trong công ty liên kết	6.2	(252.651.009)	(157.299.603)
25	9. Chi phí bán hàng		-	-
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(65.247.291.395)	(54.771.415.051)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		455.245.941.541	245.928.633.353
31	12. Thu nhập khác	27	1.019.737.304	3.025.266.544
32	13. Chi phí khác	27	(2.985.567.120)	(2.096.260.157)
40	14. (Lỗ)/lợi nhuận khác	27	(1.965.829.816)	929.006.387
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		453.280.111.725	246.857.639.740
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29.1	(74.491.986.385)	(37.389.248.756)
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		378.788.125.340	209.468.390.984
61	18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		323.907.072.116	168.603.005.975
62	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		54.881.053.224	40.865.385.009
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	5.101	2.584
71	21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	31	5.101	2.584



Nguyễn Trung Hiếu
Người lập



Lê Hồng Minh
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Quyền
Tổng Giám đốc

Yên Bái, Việt Nam

Ngày 8 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		453.280.111.725	246.857.639.740
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)		96.263.271.896	96.313.436.995
03	(Hoàn nhập)/trích lập các khoản dự phòng	26	(1.733.055.700)	602.603.920
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(14.871.192.031)	(16.703.503.976)
06	Chi phí lãi vay	25	15.661.775.297	23.935.375.001
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		548.600.911.187	351.005.551.680
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu		(37.334.258.964)	29.392.428.859
10	Giảm hàng tồn kho		137.487.013	305.363.647
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả		7.981.895.719	(1.195.816.209)
12	Tăng chi phí trả trước		(435.467.434)	(2.644.907.260)
14	Tiền lãi vay đã trả		(17.865.168.428)	(25.154.620.227)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	16	(65.201.962.391)	(31.567.225.665)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(5.232.099.277)	(4.898.630.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		430.651.337.425	315.242.144.824
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(6.004.112.475)	(25.621.810.389)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	723.636.363
23	Tiền chi cho vay, mua đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		(271.840.000.000)	(203.009.000.000)
24	Tiền thu hồi khoản cho vay, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		261.462.413.699	136.851.586.301
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(54.868.550.000)	(29.890.000.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		10.365.660.000	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		14.479.617.170	16.869.519.483
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(46.404.971.606)	(104.076.068.242)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		180.000.000.000	-
34	Tiền trả nợ gốc vay		(270.828.614.397)	(68.171.385.603)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	21.3	(278.912.480.000)	(158.733.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(369.741.094.397)	(226.904.385.603)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		14.505.271.422	(15.738.309.021)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		94.607.135.889	110.345.444.910
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	109.112.407.311	94.607.135.889

Nguyễn Trung Hiếu
Người lập

Lê Hồng Minh
Kê toán trưởng



Nguyễn Văn Quyền
Tổng Giám đốc

Yên Bái, Việt Nam

Ngày 8 tháng 3 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5200240495 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu vào ngày 31 tháng 3 năm 2006. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 7 được cấp ngày 20 tháng 2 năm 2019.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng và cung cấp dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, cải tạo các thiết bị của nhà máy thủy điện.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty (bao gồm Văn phòng Công ty và chi nhánh hạch toán độc lập là Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật) có trụ sở tại Tổ dân phố 1, thị trấn Thác Bà, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

Số lượng nhân viên của Công ty và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 164 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 158 người).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có một chi nhánh hạch toán độc lập là Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật, một công ty con và một công ty liên kết với thông tin chi tiết như sau:

<i>Tên công ty con</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính</i>
Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum	50,94%	50,94%	Thôn Bản Xèo 1, xã Bản Xèo, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh điện năng
<i>Tên công ty liên kết</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2	49,00%	49,00%	Tổ dân phố số 1, thị trấn Thác Bà, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái, Việt Nam.	Đầu tư và triển khai dự án Nhà máy Thủy điện Thác Bà 2

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng* (tiếp theo)

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty và công ty con áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty và công ty con là VND.

2.5 *Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính*

Như được trình bày ở Thuyết minh số 1, tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có một Chi nhánh hạch toán độc lập là Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật và một công ty con là Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty (được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và Chi nhánh) và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán năm và sử dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa Công ty và công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty và công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ	-	chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, và công cụ dụng cụ thuộc quyền sở hữu của Công ty và công ty con dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty và công ty con dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất lâu dài được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 20 năm
Phương tiện vận tải	9 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Tài sản cố định khác	10 năm
Quyền sử dụng đất	50 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

3.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và công ty con.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 *Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại*

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ, Công ty phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

3.10 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Thông thường, Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu ít nhất 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Công ty trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được/lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được cán trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Công ty và công ty con. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty và công ty con đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và công ty con (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty và công ty con trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và công ty con theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.14 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty và công ty con có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản giảm trừ (nếu có). Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được xác định căn cứ vào các hợp đồng mua bán điện được Công ty và công ty con ký kết với Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các phụ lục hợp đồng có liên quan.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu từ cung cấp dịch vụ sẽ được ghi nhận dựa trên mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định dựa theo khối lượng dịch vụ đã được thực hiện và được xác nhận bởi khách hàng.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty và công ty con được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty và công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty và công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty và công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty và công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.16 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.17 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty và công ty con là sản xuất và kinh doanh điện với doanh thu trong năm chiếm trên 97% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và công ty con đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty và công ty con không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty và công ty con sản xuất ra hoặc do Công ty và công ty con hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Theo đó, Công ty và công ty con không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty và công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. NGHIỆP VỤ GÓP VỐN TRONG NĂM

Góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2, một công ty liên kết

Căn cứ theo Nghị quyết số 1452/NQ-TĐTB-HĐQT ngày 7 tháng 8 năm 2020 của Hội đồng Quản trị Công ty về việc phê duyệt tỷ lệ góp vốn của Công ty tại Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2. Trong năm, theo Thông báo góp vốn đợt 1 năm 2022 số 684/TB-TBC2 ngày 19 tháng 7 năm 2022 và Thông báo góp vốn đợt 2 năm 2022 số 1158/TB-TBC2 ngày 8 tháng 11 năm 2022 của Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2, Công ty đã hoàn thành góp vốn bổ sung số tiền 48.882.890.000 VND.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	453.237.209	76.834.174
Tiền gửi ngân hàng	78.659.170.102	24.188.301.715
Các khoản tương đương tiền (*)	30.000.000.000	70.342.000.000
TỔNG CỘNG	<u>109.112.407.311</u>	<u>94.607.135.889</u>

(*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 bao gồm các khoản tiền gửi tại ngân hàng bằng VND với kỳ hạn không quá 3 tháng và hưởng lãi suất 6%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2021: từ 3,1%/năm đến 4,0%/năm).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

6.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn	95.500.000.000	95.500.000.000	102.122.413.699	102.122.413.699
TỔNG CỘNG	95.500.000.000	95.500.000.000	102.122.413.699	102.122.413.699

Tiền gửi có kỳ hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 bao gồm các khoản tiền gửi tại ngân hàng và tổ chức tài chính bằng VND có kỳ hạn từ 5 đến 9 tháng và hưởng lãi suất từ 6%/năm đến 8,6%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2021: từ 3,4%/năm đến 5,9%/năm).

6.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Đơn vị tính: VND

*Công ty Cổ phần
Đầu tư Thủy điện
Thác Bà 2*

Giá trị đầu tư:		
Số đầu năm		35.770.000.000
- Góp vốn trong năm (*)		48.882.890.000
Số cuối năm		84.652.890.000
Phần lỗ kế lỗ sau khi mua công ty liên kết:		
Số đầu năm		(157.299.603)
- Phần lỗ từ công ty liên kết		(252.651.009)
Số cuối năm		(409.950.612)
Giá trị còn lại:		
Số đầu năm		35.612.700.397
Số cuối năm		84.242.939.388

(*) Như trình bày ở Thuyết minh số 4, trong năm 2022, Công ty đã góp vốn bổ sung với số tiền 48.882.890.000 VND vào Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Công ty tại Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2 là 49%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm				Số đầu năm			
	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Thủy điện Thái An (i)	5,0%	48.550.000.000	-	(i)	5,0%	48.550.000.000	-	(i)
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng (ii)	0,6%	32.619.000.000	-	39.000.000.000	0,6%	32.619.000.000	-	56.400.000.000
TỔNG CỘNG		81.169.000.000	-			81.169.000.000	-	

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty nắm giữ 5% quyền biểu quyết tương ứng 200.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Thủy điện Thái An. Công ty không thể xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này do cổ phiếu của công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán.
- (ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty nắm giữ 0,6% quyền biểu quyết tương ứng 3.000.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng. Cổ phiếu của công ty này được giao dịch trên thị trường UPCOM với mức giá giao dịch đóng cửa vào ngày cuối có giao dịch trong tháng 12 năm 2022 là 13.000 VND/cổ phiếu (tháng 12 năm 2021: 18.800 VND/cổ phiếu).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu của khách hàng	4.329.241.799	4.428.697.781
- Công ty TNHH Xây dựng Hưng Hải	2.090.965.910	3.340.965.910
- Công ty Cổ phần Thủy điện Leader Nam Tiến	369.315.190	85.452.851
- Phải thu của khách hàng khác	1.868.960.699	1.002.279.020
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	132.497.505.556	78.013.537.410
TỔNG CỘNG	136.826.747.355	82.442.235.191
Dự phòng phải thu khó đòi	(1.633.341.998)	(3.366.397.698)

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu khó đòi:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	3.366.397.698	2.763.793.778
Cộng: Trích lập dự phòng trong năm	24.948.300	1.129.976.920
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(1.758.004.000)	(527.373.000)
Số cuối năm	1.633.341.998	3.366.397.698

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu về hợp đồng ủy thác đầu tư	-	4.380.000.000
Phải thu lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.227.907.439	583.681.569
Ký quỹ mở thư tín dụng, bảo lãnh	97.155.477	71.500.000
Phải thu khác	3.151.494.793	2.393.839.394
TỔNG CỘNG	4.476.557.709	7.429.020.963
Trong đó:		
Phải thu ngắn hạn với bên khác	4.447.215.245	3.049.020.963
Phải thu ngắn hạn với bên liên quan (Thuyết minh số 30)	29.342.464	4.380.000.000

9. HÀNG TỒN KHO

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	3.628.206.745	-	3.824.679.686	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	214.308.958	-	309.562.669	-
Công cụ, dụng cụ	228.926.046	-	74.686.407	-
TỔNG CỘNG	4.071.441.749	-	4.208.928.762	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐƯỢC KHẤU TRỪ

Khoản thuế GTGT được khấu trừ có giá trị 4.652.750.109 VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và 22.393.647.748 VND ngày 31 tháng 12 năm 2021 phát sinh chủ yếu từ các giao dịch Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum – công ty con của Công ty nhận chuyển nhượng tài sản trong năm 2019 (chủ yếu bao gồm khối nhà cửa, vật kiến trúc của Nhà máy Thủy điện Mường Hum) từ Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Vũ trong năm 2019.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Số đầu năm	1.344.802.837.636	1.190.294.798.080	28.271.193.095	6.243.787.138	950.553.500	2.570.563.169.449
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	64.270.237	-	64.270.237
- Mua trong năm	1.016.916.555	1.559.996.296	1.948.473.629	479.792.091	-	5.005.178.571
Số cuối năm	1.345.819.754.191	1.191.854.794.376	30.219.666.724	6.787.849.466	950.553.500	2.575.632.618.257
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết	14.744.406.653	506.382.037.284	11.337.900.642	4.003.829.595	863.399.773	537.331.573.947
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu năm	579.155.020.073	974.832.807.901	16.805.282.395	4.883.334.532	922.918.327	1.576.599.363.228
- Khấu hao trong năm	40.381.532.868	36.534.724.715	1.696.247.165	459.337.465	8.709.983	79.080.552.196
Số cuối năm	619.536.552.941	1.011.367.532.616	18.501.529.560	5.342.671.997	931.628.310	1.655.679.915.424
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	765.647.817.563	215.461.990.179	11.465.910.700	1.360.452.606	27.635.173	993.963.806.221
Số cuối năm	726.283.201.250	180.487.261.760	11.718.137.164	1.445.177.469	18.925.190	919.952.702.833

Công trình nhà máy thủy điện Mường Hum và một số tài sản khác của Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum đang được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các hợp đồng vay như được trình bày ở Thuyết minh số 19.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Số đầu năm	20.558.322.400	1.733.000.000	22.291.322.400
- Mua trong năm	-	154.000.000	154.000.000
Số cuối năm	<u>20.558.322.400</u>	<u>1.887.000.000</u>	<u>22.445.322.400</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	4.749.494.542	221.507.431	4.971.001.973
- Hao mòn trong năm	411.153.216	413.030.080	824.183.296
Số cuối năm	<u>5.160.647.758</u>	<u>634.537.511</u>	<u>5.795.185.269</u>
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	<u>15.808.827.858</u>	<u>1.511.492.569</u>	<u>17.320.320.427</u>
Số cuối năm	<u>15.397.674.642</u>	<u>1.252.462.489</u>	<u>16.650.137.131</u>

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dự án nâng cấp thiết bị tổ máy nhà máy Thủy điện Thác Bà	3.835.288.676	3.298.419.989
Dự án nâng cấp hệ thống quan trắc đập chính, đập tràn, nhà máy – Công trình Thủy điện Thác Bà	1.962.682.407	-
Khác	184.117.764	-
TỔNG CỘNG	<u>5.982.088.847</u>	<u>3.298.419.989</u>

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí sửa chữa lớn	1.145.803.141	2.258.447.177
Công cụ dụng cụ	-	511.500.000
Chi phí trả trước dài hạn khác	3.027.429.679	967.818.209
TỔNG CỘNG	<u>4.173.232.820</u>	<u>3.737.765.386</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Đơn vị tính: VND

Công ty Cổ phần Thủy
điện Mường Hum

Nguyên giá:

Số đầu năm và số cuối năm 163.865.130.597

Phân bổ lũy kế:

Số đầu năm 35.504.111.630

- Phân bổ trong năm 16.386.513.060

Số cuối năm 51.890.624.690

Giá trị còn lại:

Số đầu năm 128.361.018.967

Số cuối năm 111.974.505.907

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Số phải thu trong năm	Số đã cần trừ trong năm	Số cuối năm
Thuế phải thu				
Thuế khác	39.358.555	-	(39.358.555)	-
TỔNG CỘNG	39.358.555	-	(39.358.555)	-

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế phải nộp				
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 29.1)	8.965.038.947	74.491.986.385	(65.201.962.391)	18.255.062.941
Thuế giá trị gia tăng	1.312.407.623	38.866.504.447	(36.737.735.715)	3.441.176.355
Thuế thu nhập cá nhân	84.893.001	4.659.766.324	(2.334.095.936)	2.410.563.389
Thuế tài nguyên	1.914.024.604	56.618.112.668	(55.338.733.381)	3.193.403.891
Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	-	6.576.813.000	(6.576.813.000)	-
Thuế khác	-	230.981.253	(230.981.253)	-
TỔNG CỘNG	12.276.364.175	181.444.164.077	(166.420.321.676)	27.300.206.576

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí lãi vay	1.867.344.950	4.070.738.081
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	86.500.000	279.000.000
TỔNG CỘNG	<u>1.953.844.950</u>	<u>4.349.738.081</u>

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Cổ tức phải trả	184.141.749	63.663.891.749
Phí bảo vệ môi trường rừng	4.598.590.860	3.648.256.992
Phải trả ngắn hạn khác	2.788.316.438	2.541.383.394
TỔNG CỘNG	<u>7.571.049.047</u>	<u>69.853.532.135</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY

Đơn vị tính: VND

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Tăng</i>	<i>Giảm</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Vay ngắn hạn						
Vay dài hạn Vietinbank đến hạn trả	44.000.000.000	44.000.000.000	-	44.000.000.000	-	-
Vay dài hạn Shinhan Bank đến hạn trả	-	-	60.000.000.000	-	60.000.000.000	60.000.000.000
	44.000.000.000	44.000.000.000	60.000.000.000	44.000.000.000	60.000.000.000	60.000.000.000
Vay dài hạn						
Vay dài hạn Vietinbank	211.828.614.397	211.828.614.397	-	211.828.614.397	-	-
Vay dài hạn Shinhan Bank	-	-	180.000.000.000	75.000.000.000	105.000.000.000	105.000.000.000
	211.828.614.397	211.828.614.397	180.000.000.000	286.828.614.397	105.000.000.000	105.000.000.000
TỔNG CỘNG	255.828.614.397	255.828.614.397	240.000.000.000	330.828.614.397	165.000.000.000	165.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY (tiếp theo)

Chi tiết khoản vay dài hạn ngân hàng được trình bày như sau:

<i>Ngân hàng/Hợp đồng vay</i>	<i>Số cuối năm (VND)</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Ngân hàng TMCP Shinhan Bank				
SHBVN/CMC/212022/HDTD/MHP	165.000.000.000	Gốc và lãi vay trả hàng quý, khoản vay cuối cùng đáo hạn vào ngày 10 tháng 8 năm 2025.	7%	Công trình nhà máy thủy điện Mường Hum và một số tài sản khác của Công ty với giá trị định giá tại thời điểm vay là 552.864.000.001 VND đang được sử dụng làm tài sản thế chấp cho hợp đồng vay.
TỔNG CỘNG	165.000.000.000			
<i>Trong đó:</i>				
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>60.000.000.000</i>			
<i>Vay dài hạn</i>	<i>105.000.000.000</i>			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	1.195.651.377	1.573.846.488
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm (Thuyết minh số 21.1)	4.000.000.000	4.000.000.000
Trích quỹ thưởng Ban điều hành Công ty (Thuyết minh số 21.1)	500.000.000	500.000.000
Sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm	(5.232.099.277)	(4.843.030.000)
Khấu hao từ tài sản cố định hình thành từ quỹ khen thưởng phúc lợi	(27.976.656)	(35.165.111)
Số cuối năm	435.575.444	1.195.651.377

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Vốn cổ phần</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	<i>Lợi ích cổ đông không kiểm soát</i>	<i>Tổng cộng</i>
Năm trước				
Số đầu năm	635.000.000.000	391.826.594.454	205.908.563.965	1.232.735.158.419
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	168.603.005.975	40.865.385.009	209.468.390.984
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh số 20)	-	(4.000.000.000)	-	(4.000.000.000)
- Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2020	-	(158.750.000.000)	-	(158.750.000.000)
- Tạm ứng cổ tức từ lợi nhuận năm 2021	-	(63.500.000.000)	-	(63.500.000.000)
- Trích quỹ thưởng Ban điều hành Công ty (Thuyết minh số 20)	-	(500.000.000)	-	(500.000.000)
Số cuối năm	635.000.000.000	333.679.600.429	246.773.948.974	1.215.453.549.403
Năm nay				
Số đầu năm	635.000.000.000	333.679.600.429	246.773.948.974	1.215.453.549.403
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	323.907.072.116	54.881.053.224	378.788.125.340
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*) (Thuyết minh số 20)	-	(4.000.000.000)	-	(4.000.000.000)
- Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2021 (*)	-	(95.250.000.000)	-	(95.250.000.000)
- Tạm ứng cổ tức từ lợi nhuận năm 2022 (**)	-	(95.250.000.000)	(24.932.730.000)	(120.182.730.000)
- Trích quỹ thưởng Ban điều hành Công ty (Thuyết minh số 20) (*)	-	(500.000.000)	-	(500.000.000)
Số cuối năm	635.000.000.000	462.586.672.545	276.722.272.198	1.374.308.944.743

(*) Việc trích lập các quỹ, chia cổ tức bằng tiền và trích quỹ thưởng Ban điều hành Công ty từ lợi nhuận sau thuế năm 2021 được thực hiện theo Nghị quyết số 386/NQ-TĐTB-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 (“Nghị quyết số 386/NQ-TĐTB-ĐHĐCĐ”).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

(**) Căn cứ theo chủ trương kế hoạch chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2022 được phê duyệt tại Nghị quyết số 386/NQ-TĐTB-ĐHĐCĐ và phê duyệt của Hội đồng quản trị tại Nghị quyết số 2006/NQ-TĐTB-HĐQT ngày 22 tháng 11 năm 2022, Công ty thực hiện tạm ứng cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2022.

Căn cứ theo chủ trương kế hoạch chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2022 được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 74/NQ-MHP-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 3 năm 2022 và phê duyệt của Hội đồng quản trị tại Nghị quyết số 260/NQ- HĐQT ngày 7 tháng 9 năm 2022, Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum thực hiện tạm ứng cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2022.

21.2 Chi tiết vốn cổ phần

	Số cuối năm			Số đầu năm			Đơn vị tính: VND
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	
Vốn góp cổ đông	635.000.000.000	635.000.000.000	-	635.000.000.000	635.000.000.000	-	
TỔNG CỘNG	635.000.000.000	635.000.000.000	-	635.000.000.000	635.000.000.000	-	

Chi tiết vốn cổ phần tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

	Vốn cổ phần (VND)	Tỷ lệ (%)
Cổ đông		
Công ty TNHH Năng lượng R.E.E	383.651.680.000	60,42%
Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần	190.500.000.000	30,00%
Các cổ đông khác	60.848.320.000	9,58%
TỔNG CỘNG	635.000.000.000	100%

21.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn đã góp		
Số đầu năm và số cuối năm	635.000.000.000	635.000.000.000
Cổ tức đã công bố	215.432.730.000	222.250.000.000
Cổ tức đã trả	278.912.480.000	158.733.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.4 Cổ tức

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Cổ tức đã công bố trong năm		
<i>Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông</i>		
Cổ tức cho năm 2020: 2.500 VND/cổ phiếu	-	158.750.000.000
Tạm ứng cổ tức cho năm 2021: 1.000 VND/cổ phiếu	-	63.500.000.000
Cổ tức cho năm 2021: 1.500 VND/cổ phiếu	95.250.000.000	-
Tạm ứng cổ tức cho năm 2022: 1.500 VND/cổ phiếu	95.250.000.000	-
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc năm tài chính và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày 31 tháng 12	-	-

21.5 Cổ phiếu

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Số lượng (cổ phiếu)</i>	<i>VND</i>	<i>Số lượng (cổ phiếu)</i>	<i>VND</i>
Cổ phiếu đã được duyet	63.500.000	635.000.000.000	63.500.000	635.000.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	63.500.000	635.000.000.000	63.500.000	635.000.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	63.500.000	635.000.000.000	63.500.000	635.000.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	63.500.000	635.000.000.000	63.500.000	635.000.000.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	63.500.000	635.000.000.000	63.500.000	635.000.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	63.500.000	635.000.000.000	63.500.000	635.000.000.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 10.000 VND/cổ phiếu). Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là TBC.

22. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	141	167

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. DOANH THU

23.1 Doanh thu bán điện và cung cấp dịch vụ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng doanh thu	726.080.260.114	495.240.055.158
<i>Trong đó</i>		
<i>Doanh thu bán điện</i>	710.318.893.291	480.390.827.325
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	15.761.366.823	14.849.227.833
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	726.080.260.114	495.240.055.158
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	15.588.639.550	14.640.136.923
<i>Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 30)</i>	710.491.620.564	480.599.918.235

23.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.900.000.000	9.025.000.000
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	9.678.494.375	7.300.519.909
Lãi từ hoạt động ủy thác đầu tư	545.348.665	-
TỔNG CỘNG	15.123.843.040	16.325.519.909

24. GIÁ VỐN VỀ BÁN ĐIỆN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn của hoạt động bán điện	199.902.969.926	185.331.173.291
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	4.893.473.986	1.441.678.768
TỔNG CỘNG	204.796.443.912	186.772.852.059

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí lãi vay	15.661.775.297	23.935.375.001
TỔNG CỘNG	15.661.775.297	23.935.375.001

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nhân công	21.911.565.040	18.137.112.726
Chi phí khấu hao, hao mòn tài sản cố định và lợi thể thương mại	19.033.531.763	19.116.680.137
Chi phí đồ dùng văn phòng và vật liệu quản lý (Hoàn nhập)/trích lập dự phòng	2.410.348.130 (1.733.055.700)	1.136.171.935 602.603.920
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.155.964.217	5.674.048.463
Chi phí khác	18.468.937.945	10.104.797.870
TỔNG CỘNG	65.247.291.395	54.771.415.051

27. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thu nhập khác	1.019.737.304	3.025.266.544
Thu nhập do phạt vi phạm hợp đồng	-	1.482.098.130
Thù lao, phụ cấp cho thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát tại các đơn vị đầu tư	674.709.600	747.641.400
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	-	723.636.363
Thu nhập khác	345.027.704	71.890.651
Chi phí khác	2.985.567.120	2.096.260.157
Chi phí thiệt hại do vi phạm hợp đồng	-	899.525.992
Chi phí thù lao, phụ cấp cho thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát tại các đơn vị đầu tư	480.000.000	558.000.000
Các khoản phạt	1.800.000.000	-
Chi phí khác	705.567.120	638.734.165
(LỖ)/LỢI NHUẬN KHÁC THUẦN	(1.965.829.816)	929.006.387

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.036.523.243	3.434.079.212
Chi phí nhân công	55.116.146.870	47.214.810.336
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	96.263.271.896	96.348.602.115
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.417.067.305	11.778.819.441
Chi phí khác	83.305.979.704	82.874.364.565
TỔNG CỘNG	270.138.989.018	241.650.675.669

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế Thu nhập Doanh nghiệp (“TNDN”) áp dụng cho Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Công ty con của Công ty có nghĩa vụ chi trả thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) theo tỉ lệ cho từng dự án nhà máy thủy điện, cụ thể như sau:

Dự án Nhà máy Thủy điện Mường Hum

Mức thuế TNDN áp dụng cho nhà máy này là 10% thu nhập chịu thuế cho đến hết năm 2025. Dự án Nhà máy Thủy điện Mường Hum được miễn thuế TNDN trong 4 năm (từ năm 2014 đến năm 2017) và giảm 50% thuế TNDN trong 9 năm (từ năm 2018 đến năm 2026). Theo đó, mức thuế suất thuế TNDN áp dụng cho năm nay là 5%.

Dự án Nhà máy Thủy điện Bản Xèo

Mức thuế TNDN áp dụng cho nhà máy này là 10% thu nhập chịu thuế đến năm 2033. Dự án Nhà máy Thủy điện Bản Xèo được miễn thuế TNDN trong 4 năm (từ năm 2020 đến năm 2023) và giảm 50% thuế TNDN trong 9 năm (từ năm 2024 đến năm 2032). Theo đó, Nhà máy Thủy điện Bản Xèo được miễn thuế TNDN trong năm nay.

Các báo cáo thuế của Công ty và công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

29.1 Chi phí thuế TNDN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	74.491.986.385	37.389.248.756
TỔNG CỘNG	74.491.986.385	37.389.248.756

29.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty và công ty con khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

29.2 Thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	453.280.111.725	246.857.639.740
Thuế TNDN theo các mức thuế suất áp dụng cho Công ty và công ty con	78.861.134.537	40.716.196.736
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>		
Phân bổ lợi thế thương mại	3.277.302.612	3.277.302.612
Chi phí không được khấu trừ khác	1.020.697.087	398.872.200
Điều chỉnh khác do hợp nhất	5.228.384.202	31.459.921
<i>Các khoản điều chỉnh giảm:</i>		
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(6.157.854.000)	(1.805.000.000)
Chi phí lãi vay không được trừ năm trước chuyển sang	(2.906.331.809)	(1.272.360.922)
Thuế TNDN được miễn, giảm	(4.831.346.244)	(3.957.221.791)
Chi phí thuế TNDN	<u>74.491.986.385</u>	<u>37.389.248.756</u>

29.3 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Chi phí lãi vay không được khấu trừ chuyển sang từ các năm trước

Theo quy định tại Nghị định 132/2020/NĐ-CP ngày 5 tháng 11 năm 2020 ("Nghị định 132"), công ty con của Công ty được phép chuyển các khoản chi phí lãi vay không được khấu trừ theo quy định tại Nghị định 132 phát sinh trong các năm tài chính trước liên tục trong vòng 5 năm sang các kỳ tiếp theo để xác định tổng chi phí lãi vay được trừ của các kỳ tiếp theo. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, công ty con của Công ty có tổng số chi phí lãi vay không được khấu trừ phát sinh trong các năm trước còn được chuyển sang các năm tiếp theo chi tiết như sau:

	Đơn vị tính: VND				
Năm phát sinh	Có thể chuyển đến năm	Chi phí lãi vay không được khấu trừ	Đã khấu trừ đến ngày 31 tháng 12 năm 2022	Còn được khấu trừ	Còn được khấu trừ tại ngày 31 tháng 12 năm 2022
2019	2024	44.172.136.790	(41.786.927.317)	2.385.209.473	2.385.209.473
2020	2025	1.942.081.133	-	1.942.081.133	1.942.081.133
TỔNG CỘNG		<u>46.114.217.923</u>	<u>(41.786.927.317)</u>	<u>4.327.290.606</u>	<u>4.327.290.606</u>

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại cho phần chi phí lãi vay không được khấu trừ nêu trên do tại thời điểm hiện tại Công ty chưa chắc chắn có thể sử dụng phần chi phí lãi vay không được khấu trừ này để giảm thu nhập chịu thuế trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát và các bên liên quan có giao dịch trọng yếu với Công ty và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và trong năm tài chính kế thúc cùng ngày bao gồm:

<i>STT</i>	<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
1	Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	Công ty mẹ cao nhất
2	Công ty TNHH Năng lượng R.E.E	Công ty mẹ
3	Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần	Cổ đông lớn
4	Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2	Công ty liên kết
5	Công ty Cổ phần Phát triển Điện Đông Dương	Công ty trong cùng tập đoàn (kể từ ngày 1 tháng 7 năm 2022)
6	Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty mẹ của cổ đông lớn

Danh sách thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

1	Ông Nguyễn Quang Quyền	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
2	Ông Hồ Văn Trung	Thành viên HĐQT
3	Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên HĐQT
4	Ông Nguyễn Văn Da	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 25 tháng 3 năm 2022)
5	Ông Nguyễn Văn Quyền	Tổng Giám đốc kiêm thành viên HĐQT
6	Ông Nguyễn Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc
7	Ông Nguyễn Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc
8	Ông Bùi Hoàng	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 10 tháng 7 năm 2022)
9	Bà Nguyễn Thị Huỳnh Phương	Trưởng ban kiểm soát
10	Bà Trần Nguyễn Khánh Linh	Thành viên ban kiểm soát
11	Bà Lai Lệ Hương	Thành viên kiểm soát

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty và công ty con với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty mẹ của cổ đông lớn	Doanh thu bán điện	710.318.893.291	480.390.827.325
Công ty TNHH Năng lượng R.E.E	Công ty mẹ	Cổ tức đã thanh toán	178.393.302.000	95.912.920.000
		Gửi tiền ủy thác đầu tư	5.985.660.000	4.380.000.000
		Nhận lại ủy thác vốn đầu tư	10.365.660.000	-
		Lãi từ hoạt động ủy thác đầu tư	545.348.665	-
Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần	Cổ đông lớn	Cổ tức đã thanh toán	76.200.000.000	47.625.000.000
Công ty Cổ phần Thủy Điện Vĩnh Sơn – Sông Hình	Công ty liên kết của công ty mẹ cao nhất	Thu hồi tiền cho vay	-	20.000.000.000
		Lãi tiền cho vay	-	883.287.672
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2	Công ty liên kết	Góp vốn	48.882.890.000	29.890.000.000
		Doanh thu về cung cấp dịch vụ	172.727.273	209.090.910
Công ty Cổ phần Phát triển Điện Đông Dương	Công ty trong cùng tập đoàn (kể từ ngày 1 tháng 7 năm 2022)	Chuyển tiền cho vay	37.000.000.000	-
		Nhận lại tiền gốc cho vay	20.000.000.000	-
		Lãi cho vay	341.671.231	-
		Doanh thu cung cấp dịch vụ	217.592.593	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Công ty và công ty con mua và bán hàng hóa, dịch vụ, ủy thác đầu tư với các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu (ngoại trừ khoản cho Công ty Cổ phần Phát triển Điện Đông Dương vay) tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty và công ty con chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty và công ty con do các khoản này còn trong hạn thanh toán (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu các bên liên quan như sau:

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 7)</i>				
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty mẹ của cổ đông lớn	Phải thu tiền bán điện	132.262.505.556	77.983.537.410
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2	Công ty liên kết	Phải thu về cung cấp dịch vụ	-	30.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Điện Đông Dương	Công ty trong cùng tập đoàn	Phải thu về cung cấp dịch vụ	235.000.000	-
TỔNG CỘNG			132.497.505.556	78.013.537.410
<i>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 8)</i>				
Công ty Cổ phần Phát triển Điện Đông Dương	Công ty trong cùng tập đoàn	Phải thu lãi tiền cho vay	29.342.464	-
Công ty TNHH Năng lượng R.E.E	Công ty mẹ	Phải thu về hợp đồng ủy thác đầu tư	-	4.380.000.000
TỔNG CỘNG			29.342.464	4.380.000.000
<i>Phải thu về cho vay (Mã số 135)</i>				
Công ty Cổ phần Phát triển Điện Đông Dương (*)	Công ty trong cùng tập đoàn	Phải thu lãi tiền cho vay	17.000.000.000	-
TỔNG CỘNG			17.000.000.000	-

(*) Thời hạn của hợp đồng cho vay là 175 ngày, lãi suất 7%/năm. Khoản vay này được bảo lãnh bởi Công ty TNHH Năng lượng R.E.E.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) và Ban Tổng Giám đốc:

Tên	Chức vụ	Đơn vị tính: VND	
		Thu nhập (*)	
		Năm nay	Năm trước
Hội đồng Quản trị			
Ông Nguyễn Quang Quyền	Chủ tịch HĐQT	72.000.000	72.000.000
Ông Hồ Văn Trung	Thành viên HĐQT	72.000.000	72.000.000
Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên HĐQT	72.000.000	72.000.000
Ông Nguyễn Văn Đa	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 25 tháng 3 năm 2022)	54.000.000	-
Ông Hồ Bảo Hùng	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 26 tháng 3 năm 2021/ Miễn nhiệm ngày 28 tháng 9 năm 2021)	-	36.000.000
Ban Tổng Giám đốc			
Ông Nguyễn Văn Quyền	Tổng Giám đốc kiêm thành viên HĐQT	1.224.000.000	1.080.000.000
Ông Nguyễn Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc	785.000.000	680.000.000
Ông Nguyễn Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc	990.160.000	668.000.000
Ông Bùi Hoàng	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 10 tháng 7 năm 2022)	715.000.000	-
TỔNG CỘNG		3.984.160.000	2.680.000.000

(*) Thu nhập bao gồm tiền lương, thù lao, tiền thưởng.

Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát	192.000.000	192.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Công ty và công ty con sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước (Trình bày lại)</i>
Lợi nhuận sau thuế TNDN	323.907.072.116	168.603.005.975
Quý khen thưởng, phúc lợi được trích lập trong năm	-	(4.500.000.000)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	<u>323.907.072.116</u>	<u>164.103.005.975</u>
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>63.500.000</u>	<u>63.500.000</u>
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>63.500.000</u>	<u>63.500.000</u>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.101	2.584
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	5.101	2.584

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Ban điều hành từ lợi nhuận sau thuế của năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 386/NQ-TĐTB-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 3 năm 2022.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Ban điều hành từ lợi nhuận của năm 2022 do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho năm hiện tại.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con.



Nguyễn Trung Hiếu
Người lập



Lê Hồng Minh
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Quyền
Tổng Giám đốc

Yên Bái, Việt Nam

Ngày 8 tháng 3 năm 2023

